

Số: 145/2022/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 02 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, Quận B, Hà Nội;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ Tổng giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019);

- Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hải V, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch P – Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P – Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên hệ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo giấy ủy quyền số 02/UQ-NHNo-PV ngày 16/02/2022);

\* **Bị đơn:** Ông Đỗ T, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ:** Ông Đỗ T và bà Nguyễn Thị L công nhận còn nợ của Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 25/5/2022 là **10.730.832.077 đồng** (Mười tỷ bảy trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi hai nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó: nợ gốc là 9.280.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 1.321.801.940 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi một triệu tám trăm lẻ một nghìn chín trăm bốn mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 129.030.137 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

**2.2. Phương thức thanh toán như sau:** Đến ngày 30/6/2022, ông Đỗ T và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là **10.730.832.077 đồng** (Mười tỷ bảy trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi hai nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó: nợ gốc là 9.280.000.000 đồng (Chín tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 1.321.801.940 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi một triệu tám trăm lẻ một nghìn chín trăm bốn mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 129.030.137 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

Ông Đỗ T và bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh chưa thanh toán kể từ ngày 26/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 4006-LAV-201701004 ngày 8/5/2017 và các phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo mà các bên đã ký kết.

**2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm:**

Trường hợp đến hết ngày 30/6/2022 ông Đỗ T và bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng N có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi, kê biên toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ là tàu cá vỏ gỗ số đăng ký TTH-99236-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 71/2017 do Chi cục Thủy sản Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/6/2017 cùng toàn bộ máy chính, ngư lưới cụ và trang thiết bị trên tàu theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết là hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 371/HĐTC TSHTTTL ngày 04/5/2017; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 371/HĐTC ngày 08/8/2017.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nhưng không đủ trả nợ thì ông Đỗ T và bà Nguyễn Thị L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

**2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Ngân hàng N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ nay không phải nộp.

**2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hòa giải, trước khi mở phiên tòa nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là  $[112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 6.730.832.077 \text{ đồng})]/2 = 59.365.416 \text{ đồng}$  (làm tròn số là 59.365.000 đồng). Ông Đỗ T và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ án phí tranh chấp là 59.365.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho Ngân

hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.232.000 đồng (Năm mươi chín triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003060 ngày 16/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

**3.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình Tú**